

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Số: /20 /HDDVCN-CNLC

Tên khách hàng:

Mã khách hàng:

Địa chỉ:

Địa chỉ sử dụng nước:

Chi nhánh thực hiện cấp nước:

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Căn cứ Luật đo lường ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí; Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử;

Căn cứ Thông tư số 42/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công thương về việc ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

Căn cứ nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp nước của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai.

Hôm nay, ngày tháng năm Chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên A): Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai.

Đại diện Ông (Bà):

Chức vụ:

(Theo uỷ quyền của Tổng Giám đốc Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai tại văn bản ngày / /)

Địa chỉ số nhà: Đường (Phố)/Thôn (bản):

Phường (Xã):

Tỉnh: Lào Cai.

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

Số tài khoản:

Tại ngân hàng (kho bạc):

Mã số thuế: 5300102876

II. Khách hàng sử dụng nước (Bên B):

Khách hàng:

Đại diện Ông (Bà):

Chức vụ:

(Theo uỷ quyền tại văn bản số ngày / /)

Địa chỉ số nhà: Đường (phố)/Thôn (bản):

Phường (Xã):

Tỉnh: Lào Cai.

Số định danh cá nhân/căn cước công dân:

Nơi cấp:

Cấp ngày:

Điện thoại:

Fax (nếu có):

Email (nếu có):

Số tài khoản:

Tại ngân hàng (kho bạc):

Mã số thuế (nếu có):

Cùng nhau thỏa thuận ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước theo các điều khoản sau:

Điều 1. Mục đích sử dụng nước sạch

Bên B đăng ký mục đích sử dụng nước theo mục 1 Phụ lục 02 đính kèm theo hợp đồng này.

Điều 2. Tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ

1. Bên A cung cấp cho Bên B nước sạch sinh hoạt cho mục đích sử dụng đã đăng ký đảm bảo chất lượng theo Thông tư số: / /TT-BYT ngày / / của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2. Áp lực tự do nhỏ nhất trong mạng lưới cấp nước sinh hoạt của khu dân cư, tại điểm lấy nước vào nhà, tính từ mặt đất không được nhỏ hơn 10 mét theo quy định tại TCVN **Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình**. Ban hành tại Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày / / của Bộ Khoa học và Công nghệ, trừ trường hợp sự cố kỹ thuật đường ống, hoặc tạm ngừng cấp nước để sửa chữa, khắc phục sự cố ...

3. Thời gian cấp nước cho bên B sử dụng đảm bảo liên tục theo khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước của bên A. Trừ trường hợp cấp nước vào hệ thống cấp nước của các chủ khác đầu tư, do thiết kế, thi công còn chưa phù hợp để đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, một số điểm cấp nước bất lợi (ở xa, trên cao) có áp lực tự do không đạt theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 (và các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 5 của Hợp đồng này).

Điều 3. Giá nước sạch

1. Giá nước sạch được quy định cụ thể cho từng mục đích sử dụng và được điều chỉnh theo từng thời điểm.

a) Giá nước sạch sinh hoạt đô thị do UBND tỉnh Lào Cai quyết định.

b) Giá nước sạch sử dụng cho các mục đích khác do UBND tỉnh Lào Cai quyết định hoặc Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai quyết định theo quy định của Nhà nước (nếu có).

c) Biểu giá nước được niêm yết tại các điểm giao dịch của các Chi nhánh cấp nước trực thuộc Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai và được công khai trên Trang thông tin điện tử (Website) chính thức của Công ty: <https://capnuoclaocai.vn/>

2. Khi có thay đổi giá tiêu thụ nước do cấp có thẩm quyền quyết định, thì Bên A sẽ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lào Cai và đăng tải trên trang thông tin điện tử của bên A). Trường hợp thay đổi giá nước của cơ quan có thẩm quyền, khối lượng nước áp giá mới trong kỳ thay đổi giá nước được bên A tính theo mức bình quân sử dụng/ngày/tháng (*không phải chốt số*) được tính và thu vào tháng tiếp theo liền kề của kỳ thu tiền nước.

3. Phí bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải sinh hoạt.

a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thực hiện theo Nghị định số / NĐ-CP ngày / / của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

b) Mức phí BVMT nước thải sinh hoạt được tính theo tỷ lệ (%) trên giá bán 1m³ nước (chưa bao gồm thuế VAT).

c) Bên A thực hiện thu phí BVMT đối với bên B sử dụng nước sinh hoạt do Bên A cung cấp cùng trên hóa đơn tiền nước hàng tháng, trừ các đối tượng được miễn theo quy định và các khách hàng có ký Hợp đồng xử lý nước thải tập trung với các đơn vị đủ chức năng xử lý nước thải theo quy định.

Điều 4. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Bên A thực hiện đọc, ghi chỉ số đồng hồ đo nước, xác định khối lượng nước mà Bên B sử dụng cố định một lần/tháng; tiền nước thu 1 lần/tháng (12 lần/năm). Thời gian đọc, ghi chỉ số đồng hồ đo nước được quy định tại khoản 3 Phụ lục 02 hợp đồng này. Khi có thay đổi thời gian đọc, ghi chỉ số bên A sẽ thông báo cho bên B trên phương tiện thông tin đại chúng và trên website của bên A, trường hợp này không phải ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước. Trường hợp bên B có sử dụng sản lượng nước: 1.000 m³/ngày/đêm hai bên sẽ thống nhất cách thức đọc, ghi sản lượng, số lần đọc và số lần thanh toán/tháng phù hợp với yêu cầu của hai bên.

2. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán tiền nước bằng Tiền Việt Nam (VNĐ) và có thể lựa chọn một trong các hình thức thanh toán sau:

- Thanh toán trực tuyến (Internet Banking/Mobile Banking);
- Thanh toán qua ví điện tử;
- Thanh toán qua đối tác thu hộ.

Ghi chú: Trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản hoặc thanh toán trực tuyến, Bên B thực hiện thông qua các ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán hoặc đối tác thu hộ có liên kết với Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai. Danh sách các đơn vị liên kết được công bố trên Trang thông tin điện tử Website <https://capnuoclaocai.vn/> hoặc ứng dụng CSKH LAWASUCO của Bên A.

3. Thời hạn thanh toán: Được quy định tại khoản 4 Phụ lục 02 của hợp đồng này và được bên A niêm yết tại các điểm giao dịch và trên Website của bên A. Khi có thay đổi bên A sẽ thông báo tới bên B trước 01 tháng và trường hợp này không phải ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước.

4. Hóa đơn tiền nước:

a) Hóa đơn tiền nước do Bên A phát hành 12 kỳ/năm dưới hình thức hóa đơn điện tử.

b) Bên B thực hiện tra cứu và tải hóa đơn tại trang thông tin điện tử (Website) của bên A.

c) Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin phục vụ việc lập hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật về thuế; trường hợp có thay đổi thông tin (họ tên, địa chỉ, mã số thuế, số định danh cá nhân (Căn cước công dân) hoặc thông tin khác có liên quan đến hóa đơn điện tử), Bên B phải thông báo cho Bên A trước thời điểm lập hóa đơn của kỳ sử dụng nước tiếp theo để được cập nhật.

Điều 5. Quyền hạn của bên A

1. Được phép vào khu vực quản lý của Bên B để kiểm tra, sửa chữa, thay thế mới các thiết bị, đường ống, đồng hồ đo nước và đọc, ghi chỉ số đồng hồ đo nước hàng tháng.

2. Được quyền thay đổi ngày đọc, ghi chỉ số đồng hồ và ngày thu tiền nước phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên A.

3. Định kỳ kiểm tra mục đích sử dụng nước thực tế và mục đích sử dụng nước đã đăng ký. Trường hợp phát hiện bên B sử dụng nước không đúng mục đích sử dụng đã đăng ký Bên A thông báo cho bên B, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên A, bên B phải thực hiện đăng ký điều chỉnh lại mục đích sử dụng nước theo quy định tại khoản 1 Phụ lục 2 của hợp đồng này, sau đó bên A tiến hành thực hiện lập biên bản thay đổi mục đích sử dụng nước của bên B trong kỳ nước tháng đó và không cần ký lại hợp đồng.

4. Tạm ngừng, ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp khi có sự cố bất khả kháng xảy ra như: Vỡ, gãy, rò rỉ đường ống nước, mất điện, thiên tai lũ lụt, địch họa.....vv.

b) Khi bảo dưỡng, sửa chữa đường ống, thiết bị theo định kỳ.

c) Khi có thông báo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu Bên A ngừng cấp nước do Bên B vi phạm quy định của địa phương về xây dựng, giải phóng mặt bằng, tranh chấp...

d) Bên B dùng các biện pháp để can thiệp làm sai lệch chỉ số đồng hồ, đầu nối sử dụng nước không qua đồng hồ, bơm hút nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước, hoặc tự ý cung cấp nước cho hộ gia đình hoặc cơ quan khác sử dụng. Bên A lập biên bản làm việc tại hiện trường ghi lại hình ảnh làm bằng chứng để xử lý vi phạm của bên B.

đ) Bên B thanh toán tiền nước chậm sau 10 ngày kể từ thời hạn thanh toán cuối cùng theo quy định được bên A niêm yết tại các điểm giao dịch và tại Website của bên A, bên A thực hiện tạm ngừng cấp nước khi đã thông báo với bên B.

e) Quá thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên A về việc sử dụng nước không đúng mục đích sử dụng đã đăng ký, bên B không thực hiện đăng ký điều chỉnh lại mục đích sử dụng nước theo quy định tại khoản 1 Phụ lục 2 của hợp đồng này bên A tạm ngừng cấp nước cho bên B.

Điều 6. Nghĩa vụ của bên A

1. Đầu tư lắp đặt hệ thống cấp nước (khi bên B có đầy đủ giấy CNQSD đất, căn cước công dân và các giấy tờ chứng minh hợp pháp) đến điểm đầu nối cho Bên B cụm đồng hồ (01 đồng hồ, 01 van chặn, 02 zắc co đồng, 02 nối ren ngoài và 10 mét ống HDPE D20, dây kẹp chì) điểm đầu nối theo Khoản 1 Điều 13 (không bao gồm chi phí đào đắp và hoàn trả mặt bằng khi lắp đặt) Bên A chỉ đầu tư hệ thống cấp nước 1 lần/1 thửa đất). Thời gian chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Bên B đăng ký sử dụng nước và ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với Bên A. Bên B đáp ứng Khoản 10 Điều 8 Bên A tổ chức thi công, nghiệm thu theo quy trình, quy định hiện hành của Nhà nước, bàn giao cho Bên B quản lý sử dụng. Trường hợp bên B không đáp ứng tại khoản 1 điều 6 thì áp dụng khoản 6 điều 13.

2. Đảm bảo cung cấp nước ổn định đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định hiện hành.

3. Khi có sự cố hoặc khiếu nại của bên B về chất lượng nước, về sự cố hệ thống cấp nước do bên A quản lý, bên A có trách nhiệm kiểm tra và xử lý kịp thời.

4. Khắc phục sự cố một cách nhanh nhất trong điều kiện có thể, nhằm đảm bảo cấp nước ổn định cho bên B.

5. Bồi thường thiệt hại cho bên B theo quy định của pháp luật trong trường hợp do lỗi của mình gây ra, dẫn đến gây thiệt hại cho Bên B trong quá trình thực hiện dịch vụ cấp nước.

6. Đấu nối cấp nước trở lại cho bên B, khi bên B đã khắc phục các vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 5 Hợp đồng này.

7. Bên A bảo đảm bí mật thông tin của bên B theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp giao kết Hợp đồng theo phương thức giao dịch từ xa hoặc bằng phương tiện điện tử, Bên A có trách nhiệm: (i) cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp đồng, điều kiện giao dịch và dịch vụ cấp nước trước khi Bên B xác nhận giao kết; (ii) bảo đảm việc giao kết, lưu trữ, tra cứu Hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật; (iii) hướng dẫn Bên B thực hiện giao kết Hợp đồng bằng phương thức điện tử; (iv) thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh trong giao dịch từ xa theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn của bên B

1. Được cung cấp nước kịp thời, đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định.

2. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp nước khi xử lý xong sự cố.

3. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán khi thấy nghi ngờ.

4. Yêu cầu Bên A cung cấp văn bản pháp luật có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ cấp nước, chất lượng nước sạch.

5. Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về cấp nước của Bên A hoặc các bên có liên quan.

6. Được bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 10.

7. Trường hợp giao kết Hợp đồng theo phương thức giao dịch từ xa hoặc bằng phương tiện điện tử, Bên B có quyền: (i) Trao đổi, yêu cầu Bên A giải thích, làm rõ nội dung hợp đồng và xác nhận đồng ý giao kết hợp đồng; (ii) Xem lại, tải xuống, lưu trữ hoặc in hợp đồng đã được các bên xác nhận giao kết theo quy định của pháp luật; (iii) Được cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hợp đồng, dịch vụ cấp nước và các điều kiện giao dịch trước khi xác nhận giao kết hợp đồng; (iv) Thực hiện các quyền khác của người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; việc giao kết và thực hiện Hợp đồng này không làm hạn chế, loại trừ hoặc giảm bớt các quyền của Bên B theo quy định của pháp luật.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của bên B

1. Thanh toán đầy đủ hóa đơn tiền nước hàng tháng, chi phí lắp đặt, đấu nối ngoài phạm vi Bên A đầu tư, theo hóa đơn do Bên A phát hành.

2. Sử dụng nước theo đúng mục đích đã đăng ký.

3. Có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cấp nước (*HTCN và đồng hồ nước, thiết bị cấp nước và còn kẹp chì nguyên hiện trạng*), không được tự ý thay đổi, dịch chuyển HTCN và đồng hồ kể từ khi Bên A lắp đặt xong bàn giao cho Bên B quản lý sử dụng.

4. Chịu trách nhiệm thanh toán tiền nước và vật tư (nếu có) về các thiệt hại do sự cố hệ thống cấp nước đường ống, các thiết bị nước sau điểm đấu nối đồng hồ của Bên B như: gãy, vỡ, rò rỉ, hỏng thiết bị, quên đóng van dẫn đến mất nước hoặc thất thoát làm khối lượng nước sử dụng của Bên B tăng bất thường. Bên B phải chủ động phối hợp với bên A xác định nguyên nhân, tổ chức khắc phục.

5. Bên B lắp đặt mới vào đường trục cấp nước thuộc phần đầu tư của hộ khách hàng đã sử dụng trước đó, thì bên B phải có thỏa thuận đấu nối với hộ khách hàng đã đầu tư đường trục cấp nước đó.

6. Trường hợp có nghi vấn về đồng hồ phải chờ kết quả kiểm định, bên B không được trì hoãn việc thanh toán tiền nước theo chỉ số đồng hồ đã được ghi và hoá đơn trước đó.

7. Thông báo kịp thời cho bên A khi phát hiện những dấu hiệu bất thường có thể gây mất nước, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, mất an toàn cho người và tài sản.

8. Phối hợp với bên A kiểm tra, đọc, ghi chỉ số của đồng hồ đo nước.

9. Bên B có nghĩa vụ phối hợp với bên A xác nhận và thanh toán các chi phí trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp bên B sử dụng nước sai mục đích như đã đăng ký, bên A sẽ tiến hành lập Biên bản xác nhận và tính truy thu tiền nước chênh lệch giữa mục đích đăng ký và mục đích sử dụng thực tế tính từ khi ký hợp đồng dịch vụ cấp nước đến thời điểm phát hiện bên B sử dụng sai mục đích đã đăng ký.

b) Khi phát hiện bên B có hành vi trộm cắp nước, bên A sẽ tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng nước thực tế tiêu thụ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 11 Hợp đồng này.

c) Thanh toán chi phí đấu nối do bên B vi phạm hợp đồng dẫn đến bị tháo dỡ cụm đồng hồ, ngừng cấp nước hoặc kiểm định đồng hồ do bên B yêu cầu (*đồng hồ phải còn nguyên kẹp chì*), nếu kết quả kiểm định đạt tiêu chuẩn quy định về đo lường chất lượng của cơ quan có chức năng (*theo khoản 3 Điều 13*).

d) Chi trả cho bên A các chi phí (vật tư, đồng hồ đo nước, nhân công) do di chuyển hệ thống cấp nước, thay thế, sửa chữa đồng hồ, thiết bị nước (trước và sau đồng hồ đo nước) theo đề nghị của bên B. (*bao gồm cả trường hợp bên B làm vỡ, hỏng, mất trộm đồng hồ đo nước*).

10. Bên B phải thực hiện các thủ tục xin cấp phép đào hành lang, vỉa hè, cắt, đào lòng đường và thực hiện đào đất để lắp đặt đường ống cấp nước và hoàn trả lại hành lang vỉa hè, lòng đường.

11. Trường hợp giao kết Hợp đồng bằng phương thức điện tử hoặc giao dịch từ xa, Bên B có trách nhiệm: (i) cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin của mình cho Bên A; (ii) kiểm tra nội dung Hợp đồng trước khi xác nhận giao kết; (iii) chịu trách nhiệm đối với phương thức xác thực điện tử đã đăng ký; (iv) phối hợp với Bên A trong quá trình xác minh, giải quyết các vấn đề phát sinh và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và pháp luật có liên quan.

12. Bên B có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin phục vụ việc lập hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật về thuế, bao gồm họ và tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có), số định danh cá nhân (căn cước công dân) hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp Bên B không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không chính xác các thông tin nêu trên thì Bên A lập hóa đơn điện tử theo thông tin do Bên B đã cung cấp và không chịu trách nhiệm đối với các sai sót phát sinh do lỗi của Bên B. Việc điều chỉnh, thay thế hóa đơn (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

13. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sửa đổi, ký lại hợp đồng, thay đổi thông tin hợp đồng

1. Trường hợp bên B (là các tổ chức, doanh nghiệp) khi có sự thay đổi về người đứng tên Hợp đồng, địa chỉ, mã số thuế thì bên B thông báo cho bên A trước 15 ngày bằng văn bản để điều chỉnh.

2. Trường hợp bên B chuyển nhượng bất động sản cho đối tượng khác (bán, thừa kế, cho, tặng) bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A (*bằng đơn đề nghị thanh lý*) để chốt chỉ số đồng hồ và thanh toán tiền nước đã sử dụng và thanh lý Hợp đồng. Khách hàng nhận chuyển nhượng thừa kế cho tặng phải thực hiện ký lại Hợp đồng (*khi đã giải quyết số tiền nước đã sử dụng của chủ cũ còn tồn nợ với bên A (nếu có)*). Nếu chủ sử dụng nước mới không thực hiện việc ký lại hợp đồng (đổi tên chủ sử dụng) theo tên chủ hộ mới, khi bên A phát hiện Bên B có hành vi trộm cắp nước thì sẽ xử lý theo khoản 1, 2, 3 điều 11.

3. Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung các loại văn bản quy phạm pháp luật như: Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư,... thì các Hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký trước khi các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực vẫn còn giá trị pháp lý. Bên A có trách nhiệm đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Đăng tải công khai Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đã sửa đổi, thay thế trên Website chính thức của Công ty, trụ sở các Chi nhánh cấp nước trực thuộc của bên A. Trường hợp này hai bên không cần ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước trừ khi bên B có yêu cầu. đăng tải công khai trên Website chính thức của Công ty.

Điều 10. Bồi thường thiệt hại

1. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên B trong các trường hợp sau.

a) Do những sai sót trong quá trình cung cấp dịch vụ không đúng với các điều khoản ghi trong Hợp đồng dịch vụ cấp nước. Khiếu nại của bên B phải được gửi cho bên A trong khoảng thời gian 05 (năm) ngày, kể từ hạn thanh toán cuối cùng quy định tại khoản 4 Điều 5.

b) Bên A có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của khách hàng sử dụng nước.

2. Bên B bồi thường cho bên A chi phí đầu nổi trong các trường hợp sau:

a) Sử dụng nước sạch sinh hoạt không đúng cam kết và mục đích sử dụng đã đăng ký ban đầu.

b) Chi phí đầu nổi do bên B vi phạm Hợp đồng, bị tháo dỡ cụm đồng hồ, ngừng cấp nước hoặc đi kiểm định đồng hồ (do bên B yêu cầu) được thực hiện Theo khoản 3 Điều 13.

c) Bên B vi phạm nội dung của hợp đồng cấp nước sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc bồi thường thiệt hại đối với Bên B là người tiêu dùng được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định pháp luật có liên quan. Việc quy định về bồi thường thiệt hại tại Điều này không làm hạn chế, loại trừ hoặc giảm quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của Bên B theo khoản 3 Điều 38 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 11. Hành vi trộm cắp nước

Hành vi trộm cắp nước là hành vi lấy nước trái phép không qua đồng hồ đo nước, tác động nhằm làm sai lệch chỉ số đo đếm của đồng hồ và các thiết bị khác có liên quan đến đo đếm nước, cố ý hoặc thông đồng ghi sai chỉ số đồng hồ và các hành vi lấy nước, gian lận khác.

1. Căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng nước tiêu thụ thực tế quy định tại điểm b khoản 9 Điều 8 của Hợp đồng này, Bên A tính truy thu số tiền nước bên B sử dụng trái phép theo đơn giá nước sạch sinh hoạt được quy định.

2. Xác định thời gian bên B thực hiện hành vi trộm cắp nước:

Bên B có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với bên A xác định dấu vết thu thập được tại hiện trường để xác định thời gian bắt đầu thực hiện hành vi trộm cắp nước. Trường hợp không còn dấu vết để xác định thời gian bắt đầu thực hiện hành vi trộm cắp nước thì tính từ thời điểm khách hàng ký hợp đồng dịch vụ cấp nước đến thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

3. Tùy theo mức độ vi phạm và những căn cứ thực tế bên A sẽ xác định lượng nước bên B thực hiện hành vi trộm cắp nước theo điểm a hoặc điểm b khoản này.

a) Tính theo dòng chảy tự do trên đường ống của bên A hoặc bên B đầu tư (trước đồng hồ đo đếm nước của bên B đang sử dụng) tại điểm mà bên B thực hiện hành vi trộm cắp nước.

b) Tính theo sản lượng sử dụng tháng cao nhất từ khi ký Hợp đồng dịch vụ cấp nước tùy theo tình hình thực tế.

c) Giá trị lượng nước bên B sử dụng thông qua hành vi trộm cắp nước được lập hoá đơn GTGT và bên B có trách nhiệm thanh toán trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 4 Hợp đồng này.

Điều 12. Điều kiện chấm dứt hợp đồng

1. Một trong hai bên có quyền chấm dứt, thanh lý Hợp đồng khi bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng.

2. Bên B có yêu cầu thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

3. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và hợp đồng mặc nhiên được thanh lý mà hai bên không cần tiến hành thủ tục thanh lý trong trường hợp Bên B không thanh toán tiền nước, tiền lắp đặt, không sử dụng nước liên tục trên 03 tháng, Bên A sẽ tháo dỡ đồng hồ đo nước, đóng điểm đầu nối.

a) Trường hợp khi Bên B có nhu cầu sử dụng nước trở lại, Bên B có trách nhiệm trả chi phí đầu tư đầu nối bao gồm: Số tiền còn nợ bên A (nếu có) Cụm đồng hồ đo nước, nhân công và vật tư phụ liên quan đến đầu nối.

b) Trường hợp Bên B thỏa thuận ký phụ lục duy trì điểm đầu nối (*duy trì cấp nước, không chấm dứt hợp đồng*), hàng tháng Bên B chi trả cho Bên A một khoản chi phí quản lý duy trì cấp nước và được trả cùng kỳ thanh toán tiền nước. Thỏa thuận được lập thành Phụ lục số 3 đính kèm theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

4. Bên B bị giải tỏa, di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tranh chấp dân sự theo quyết định của cơ quan tố tụng.

5. Sau khi chấm dứt hợp đồng các bên có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm còn lại trong quá trình thực hiện hợp đồng như: tiền nước đã sử dụng, tiền truy thu vi phạm hợp đồng (*nếu có*).

6. Hợp đồng dịch vụ cấp nước được khôi phục lại (*nếu khách hàng đăng ký tiếp tục sử dụng, mà khách hàng chưa bị xóa tên*) sau khi các vướng mắc giữa hai bên đã được giải quyết và không cần phải ký lại hợp đồng.

Điều 13. Các thỏa thuận khác

1. Điểm đầu nối: Điểm đầu nối được xác định ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào của khách hàng sử dụng nước trong điều kiện cho phép nhưng không quá 10 mét tính từ đường ống cấp nước gần nhất của bên A (trừ trường hợp đặc biệt có thỏa thuận khác). Bên A có trách nhiệm đầu tư cụm đồng hồ, đường ống và các phụ kiện đi kèm theo quy định (*khi bên B có đầy đủ giấy CNQSD đất, căn cước công dân và các giấy tờ chứng minh hợp pháp*). Trường hợp điểm đầu nối hoặc đồng hồ đo nước được lắp đặt sau điểm đầu nối có khoảng cách trên 10 mét so với đường ống cấp nước gần nhất của bên A (điểm khởi thủy) thì chi phí vật tư lắp đặt

phát sinh ngoài quy định sẽ do bên B chi trả theo dự toán bên A lập trên cơ sở các quy định hiện hành.

2. Đo đếm nước:

a) Đồng hồ đo đếm nước đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và quy định của cơ quan quản lý về đo lường chất lượng.

b) Vị trí lắp đồng hồ đo nước được lắp đặt bảo đảm thuận tiện cho việc quản lý, kiểm tra ghi chỉ số, sửa chữa, thay thế đồng hồ (hộ dân lắp trước cửa nhà, cơ quan lắp trước cổng ra vào, đối với các hộ dân, cơ quan nằm xa đường ống cấp nước của đơn vị cấp nước thì đồng hồ đo nước được lắp đặt tại vị trí điểm đầu nối (*khởi thủy*) khách hàng có trách nhiệm bảo vệ và quản lý đồng hồ).

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị kẹt, vỡ hoặc vì lý do nào đó không còn căn cứ và không thể xác định được chỉ số tiêu thụ trong kỳ thì lượng nước sử dụng của bên B được tính theo định mức trung bình ổn định của 3 kỳ hóa đơn liền kề trước đó.

3. Kiểm định đồng hồ đo đếm nước: Khi có nghi ngờ đồng hồ đo đếm nước không chính xác, Bên B có quyền yêu cầu Bên A kiểm tra lập biên bản sự việc. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên B, Bên A phải kiểm tra, kiểm định và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế đồng hồ đo đếm nước. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của Bên A, Bên B có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước tại địa phương tổ chức kiểm định độc lập có sự tham gia kết hợp của đơn vị cấp nước trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên B. Chi phí kiểm định đồng hồ đo đếm nước được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định đồng hồ đo đếm nước hoạt động theo đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì Bên B phải trả phí kiểm định.

b) Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định đồng hồ đo đếm nước hoạt động không đúng Tiêu chuẩn Việt Nam thì Bên A phải trả phí kiểm định.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước kiểm định không đạt thì bên A có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền thu thừa cho Bên B nếu tổ chức kiểm định độc lập xác định chỉ số đo đếm của đồng hồ nước vượt quá số lượng nước sử dụng thực tế.

d) Thời điểm xác định đồng hồ đo nước không đạt là thời điểm gần nhất với thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra kiểm tra về đo lường đối với bên A hoặc thời điểm kiểm định gần nhất trước đó đối với đồng hồ đo nước của bên B đang sử dụng.

e) Lượng nước sai lệch do đồng hồ đo nước không đạt được tính bằng tổng lượng nước bên A cung cấp cho bên B trong thời gian đồng hồ đo nước không đạt nhân với sai lệch thừa hoặc thiếu so với kỹ thuật đo lường (sai lệch thừa hoặc thiếu so với yêu cầu kỹ thuật đo lường là giá trị sai lệch khi kiểm định trừ đi giới hạn sai số cho phép của kết quả đo tương ứng).

f) Giá nước sạch tính bằng giá nước tại thời điểm phát hiện đồng hồ đo nước kiểm định không đạt

g) Bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lượng nước sử dụng qua đồng hồ (nếu còn) sau khi đã trừ đi lượng nước sai lệch theo kết quả kiểm định.

4. Lưu lượng đăng ký sử dụng (đối với khách hàng có sử dụng lưu lượng lớn hoặc tính chất đặc thù).

a) Lưu lượng đăng ký: Theo mục 5 Phụ lục 02 của hợp đồng này.

b) Bên B đảm bảo sử dụng lưu lượng như đã đăng ký sử dụng.

c) Bên A có trách nhiệm đảm bảo cung cấp đủ lưu lượng đã đăng ký sử dụng của bên B.

5. Đặt cọc tiền sử dụng nước: Đối với khách hàng đăng ký sử dụng sản lượng lớn, khách hàng (thuê nhà để ở, thuê mặt bằng, thi công, xây dựng,...) (phải đặt cọc tiền nước tối thiểu bằng 03 tháng sử dụng nước theo số lượng và mục đích đăng ký. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh có thể áp dụng đặt cọc bằng chứng thư bảo lãnh của ngân hàng nơi mở tài khoản và theo thực tế. Khi bên B không còn nhu cầu sử dụng nước thì bên A có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc cho bên B ngay sau khi bên B thanh toán đầy đủ tiền nước, các khoản tiền khác (nếu có) và thanh lý Hợp đồng sử dụng nước với bên A.

6. Các trường hợp phải thanh toán tiền chi phí lắp đặt đường ống, đồng hồ, vật tư, thiết bị cấp nước như sau:

a) Bên B bị cắt, thu hồi đồng hồ đo nước do vi phạm (trộm cắp nước, không thanh toán tiền nước, không sử dụng nước liên tục trên 03 tháng)

b) Tất cả các tổ chức, cá nhân làm vỡ, gãy hệ thống cấp nước như (gãy trụ cấp nước cứu hỏa, khoan ép cọc neo vào đường ống cấp nước, làm mất, gãy, vỡ, đồng hồ đo nước)

c) Những khách hàng không có đầy đủ các loại giấy tờ chứng minh hợp pháp về quyền sử dụng đất và tài sản.

d) Một số khách hàng ở xa điểm cung cấp nước, phải đầu tư đường ống cấp nước và thỏa thuận phương án lắp đặt.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn, quyết định của Nhà nước, của UBND tỉnh Lào Cai ban hành có liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ cấp nước.

2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước nếu có gì vướng mắc, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên cơ sở quy định của pháp luật. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng này không xác định thời hạn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp Hợp đồng được giao kết dưới hình thức điện tử, Hợp đồng được lập thành 01 (một) bản điện tử và có giá trị pháp lý như hợp đồng được lập bằng văn bản giấy theo quy định của pháp luật. Hợp đồng được lưu trữ trên hệ thống của đơn vị cung cấp dịch vụ hợp đồng điện tử trong thời hạn 10 (mười) năm; sau thời hạn này, Bên A thực hiện gia hạn việc lưu trữ theo thỏa thuận với đơn vị cung cấp dịch vụ. Trong thời gian lưu trữ, Bên A có trách nhiệm bảo đảm việc lưu trữ, tra cứu và cung cấp Hợp đồng theo quy định của pháp luật; Bên B có quyền tra cứu, tải xuống, lưu trữ Hợp đồng dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc in ra giấy để phục vụ việc sử dụng, đối chiếu khi cần thiết và có quyền yêu cầu Bên A cung cấp bản sao Hợp đồng điện tử trong thời gian Hợp đồng được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Hợp đồng này được thực hiện dưới hình thức ký giấy thì sẽ được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 01
THÔNG TIN LIÊN HỆ BÊN A

**Đăng ký lắp đặt, ký hợp đồng dịch vụ cấp nước, quản lý, vận hành, sửa chữa
hệ thống cấp nước.**

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước số: / /HDDVCN-CNLC)

Website:	https://capnuoclaocai.vn	
Email:	lawasucolaocai@gmail.com	
Điểm giao dịch	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại liên hệ
Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai	Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai	02143899921
Chi nhánh cấp nước Lào Cai – Cam Đường	Số 037, đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai	02143832203 02143854434
Chi nhánh cấp nước Bảo Thắng - KCN Tăng Loỏng	Thôn Tân Thắng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai	02143862654 02143867271
Chi nhánh cấp nước Bảo Yên	Số 75, Đường Ngô Quyền, thôn Sơn Viên, xã Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	02143876193
Chi nhánh cấp nước Bát Xát	Thôn Bản Vai, xã Bát Xát, tỉnh Lào Cai	02143783763
Chi nhánh cấp nước Bắc Hà - Si Ma Cai	Thôn Na Kim, xã Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	02143780651 02143796179
Chi nhánh cấp nước Sa Pa	Đường Thác Bạc, tổ dân phố Phan Si Păng, phường Sa Pa, tỉnh Lào Cai	02143871642
Chi nhánh cấp nước Mường Khương	Đường Giải phóng 11/11, thôn Mã Tuyển, xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai	02143881914
Chi nhánh cấp nước Văn Bàn	Đường Điện Biên, thôn 6, xã Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	02143882561

PHỤ LỤC 02
THÔNG TIN BÊN B

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước số: / /HDDVCN-CNLC)

1. Mục đích sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Mục đích sử dụng	Ký hiệu	Mã MĐSD

Lần đăng ký	Ngày đăng ký	Mục đích sử dụng	Mã
Đăng ký lần đầu			
Thay đổi lần 1			
Thay đổi lần 2			
Thay đổi lần 3			
Thay đổi lần 4			
Thay đổi lần 5			
...			

2. Thông tin đồng hồ đo nước:

Lần lắp đặt	Ngày lắp đặt	Chủng loại	Đường kính	Cấp	Số hiệu
Lắp đặt lần đầu					
Thay thế lần.....					
Thay thế lần.....					

3. Thời gian đọc, ghi chỉ số đồng hồ: Từ ngày 14 đến ngày 19 hàng tháng.

Một số đơn vị có thỏa thuận riêng về cách thức đọc, ghi sản lượng 2 lần/tháng (từ ngày 1 đến ngày 15 đọc ghi vào ngày 15; Từ ngày 16 đến 30 đọc ghi vào ngày 30 hàng tháng) và một số đơn vị đọc, ghi sản lượng vào ngày 25 hàng tháng.

4. Thời hạn thanh toán tiền nước: Từ ngày 21 đến ngày 25 hàng tháng.

Một số đơn vị có thỏa thuận riêng về cách thức thanh toán sản lượng 2 lần/tháng (thanh toán lần 1 vào ngày 15 và lần 2 vào ngày 30 hàng tháng).

Ngày đọc, ghi chi số và lên hóa đơn trùng vào ngày nghỉ lễ hai bên sẽ thống nhất ngày ghi đảm bảo yêu cầu sản xuất, kinh doanh cho cả hai bên.

5. Lưu lượng nước sạch đăng ký sử dụng:

$\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03
Quản lý, duy trì HTCN

(Kèm theo Hợp đồng dịch vụ cấp nước số: / /HDDVCN-CNLC)

Hôm nay, ngày tháng năm :

I. Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên A): Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai.

Đại diện Ông (Bà):

Chức vụ:

(Theo uỷ quyền của Tổng Giám đốc Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai tại văn bản số ngày / /)

Địa chỉ số nhà:

Đường (Phố)/Thôn (bản):

Phường (Xã):

Tỉnh: Lào Cai.

Số tài khoản:

Tại ngân hàng (kho bạc):

Mã số thuế: 5300102876

II. Khách hàng sử dụng nước (Bên B):

Khách hàng:

Đại diện Ông (Bà):

Chức vụ:

(Theo uỷ quyền tại văn bản số ngày / /)

Địa chỉ Số nhà:

Đường (Phố)/Thôn (bản):

Phường (Xã):

Tỉnh: Lào Cai.

Số định danh cá nhân/căn cước công dân:

Nơi cấp:

Cấp ngày:

Điện thoại:

Fax (nếu có):

Email (nếu có):

Số tài khoản:

Tại ngân hàng (kho bạc):

Mã số thuế (nếu có):

Để đảm bảo quyền lợi giữa bên cung cấp nước và khách hàng sử dụng nước hai bên tiến hành thỏa thuận lập phụ lục hợp đồng bổ sung với điều khoản như sau:

1. Nội dung.

Bên B đồng ý trả tiền quản lý duy trì cấp nước hàng tháng (kỳ) cho Bên A kể từ tháng.....năm.....khi không sử dụng nước liên tục và không phát sinh hoá đơn tiền nước.

2. Mức tiền quản lý duy trì cấp nước.

2.1. Mức tiền quản lý duy trì cấp nước là: **18.182 đ/tháng** (*Mười tám nghìn, một trăm tám mươi hai đồng./.*) chưa bao gồm thuế GTGT (VAT).

2.2. Trường hợp khách hàng đã ký Phụ lục hợp đồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền quản lý duy trì cấp nước thì đơn vị cấp nước tiến hành ngừng cấp nước theo quy định.

Phụ lục này trở thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng dịch vụ cấp nước số:...../...../HDDVCN - CNLC đã ký ngày.....tháng.....nămvà có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 02 (hai) bản mỗi bên giữ 01 (một) bản làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký ghi rõ họ tên)